

PHỤ LỤC SỐ 01
Văn bản của UBND các cấp ban hành

TT	Tên văn bản	Nội dung văn bản	Số văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành
I. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH				
1. Quyết định				
1	Quyết định	về việc kiện toàn Ban điều hành Bảo vệ, chăm sóc trẻ em tỉnh Lâm Đồng và nhóm Công tác liên ngành bảo vệ trẻ em.	323/QĐ-UBND	05/02/2021
2	Quyết định	về kiện toàn Ban điều hành Bảo vệ, chăm sóc trẻ em tỉnh Lâm Đồng và nhóm Công tác liên ngành bảo vệ trẻ em.	323/QĐ-UBND	05/02/2021
3	Quyết định	về Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	350/QĐ-UBND	08/02/2021
4	Quyết định	về việc ban hành Kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025.	539/QĐ-UBND	23/3/2021
5	Quyết định	về việc ban hành kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	388/QĐ-UBND	20/02/2022
2. Kế hoạch				
1	Kế hoạch	triển khai Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	4711/KH-UBND	30/7/2019
2	Kế hoạch	về việc triển khai thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	2496/KH-UBND	23/4/2021
3	Kế hoạch	về thực hiện Tháng hành động vì trẻ em năm 2021.	3353/KH-UBND	25/05/2021
4	Kế hoạch	về việc thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai	7849/KH-UBND	03/11/2021

		đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.		
5	Kế hoạch	về việc thực hiện Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu trẻ em lao động trái với quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	8110/KH-UBND	11/11/2021
6	Kế hoạch	về việc triển khai Chương trình bơi an toàn, phòng, chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	9577/KH-UBND	30/12/2021
7	Kế hoạch	về việc triển khai Chương trình can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	12/KH-UBND	04/01/2022
8	Kế hoạch	về Phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023-2030.	1216/KH-UBND	22/02/2023
9	Kế hoạch	về triển khai Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	1732/KH-UBND	24/3/2021
10	Kế hoạch	về việc thực hiện Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh tỉnh Lâm Đồng.	3590/KH-UBND	25/5/2022
11	Kế hoạch	về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục, đạo đức lối sống trong gia đình đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh tỉnh Lâm Đồng	3592/KH-UBND	25/5/2022
12	Kế hoạch	về việc thực hiện Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	7998/KH-UBND	19/10/2022
13	Kế hoạch	về phòng, chống tai nạn, thương tích tại cộng đồng của ngành Y tế tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2021-2025.	8112/KH-UBND	11/11/2022
3.	Công văn			
1	Công văn	về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 cho trẻ em và bảo	924/UBND-VX3	08/02/2021

		đảm an toàn cho trẻ em trong đại dịch.		
2	Công văn	về việc thăm, tặng quà cho trẻ em nhân Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6/2021.	3514/UBND-VX3	28/05/2021
3	Công văn	về việc thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống đuối nước trẻ em.	3654/UBND-VX3	02/6/2021
4	Công văn	về việc tổ chức Tết Trung thu năm 2021.	6318/UBND-VX3	06/9/2021
5	Công văn	về việc thăm và tặng quà thiếu nhi nhân dịp Tết Trung thu 2021	6628/UBND-VX3	17/9/2021
6	Công văn	về việc khẩn trương triển khai một số biện pháp cấp bách để chủ động phòng ngừa tai nạn đuối nước cho trẻ em trên địa bàn tỉnh.	7615/UBND-GT	25/10/2021
7	Công văn	về việc triển khai thực hiện các biện pháp ngăn ngừa tai nạn giao thông đối với trẻ em trên địa bàn tỉnh.	8654/UBND-GT	26/11/2021
8	Công văn	về việc triển khai thực hiện văn bản số 9617/VP-CP-NC ngày 30/12/2021 trên địa bàn tỉnh về xử lý hành vi hành hạ, xâm hại trẻ em.	15/UBND-VX4	05/01/2022
9	Công văn	về tăng cường các giải pháp bảo vệ trẻ em.	165/UBND-VX3	11/01/2022
10	Công văn	về việc triển khai nhiệm vụ công tác và phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	694/UBND-VX4	28/01/2022
11	Công văn	về việc khẩn trương triển khai một số biện pháp cấp bách để chủ động phòng ngừa, ứng phó hiệu quả với tình hình mưa bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đất, lốc, sét và tai nạn đuối nước trên địa bàn tỉnh.	2324/UBND-GT	06/4/2022
12	Công văn	về tổ chức Lễ phát động toàn dân luyện môn bơi phòng, chống đuối nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh.	2332/KH-UBND	07/4/2022
13	Công văn	về việc tăng cường công tác phòng, chống tai nạn, thương tích, phòng, chống đuối nước trẻ em.	2525/UBND-VX3	14/4/2022
14	Công văn	về việc triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2022.	2691/UBND-VX3	21/4/2022

15	Công văn	về việc thăm, tặng quà nhân Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6.	3765/UBND-VX3	30/5/2022
16	Công văn	về việc tăng cường công tác phòng, chống đuối nước trẻ em.	số 3589/CD-UBND	24/5/2022
17	Công văn	về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống đuối nước trẻ em, hỗ trợ người lao động và tổ chức các hoạt động kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh-Liệt Sĩ (27/7/1947 – 27/7/2022).	3933/UBND-VX3	03/6/2022
18	Công văn	về việc tổ chức Tết Trung thu năm 2022.	6065/UBND-VX3	12/8/2022
19	Công văn	về tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em và mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy.	6335/UBND-VX3	24/08/2022
20	Công văn	về việc thăm, tặng quà thiếu nhi nhân dịp Tết Trung thu năm 2022.	6528/UBND-VX3	31/08/2022
21	Công văn	về ứng dụng công nghệ trong công tác giáo dục giới tính-Kỹ năng phòng tránh xâm hại cho trẻ 3-19 tuổi.	9085/UBND-VX3	28/11/2022
22	Công văn	về việc triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2023.	2355/UBND-VX3	29/3/2023
23	Công văn	về việc tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn đối với các hoạt động vui chơi giải trí trên mặt nước trên địa bàn tỉnh.	3436/UBND-VX2	18/4/2023
4.	Công điện			
1	Công điện	về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống đuối nước, xâm hại trẻ em.	2523/CD-UBND	23/04/2021
2	Công điện	về việc tăng cường công tác phòng, chống đuối nước trẻ em.	5137/CD-UBND	20/4/2023
I.	ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT BAN HÀNH			
1	Quyết định			
1	Quyết định	công nhận phường, xã phù hợp với trẻ em năm 2022.	4460/QĐ-UBND	28/12/2022

2	Kế hoạch			
1	Kế hoạch	về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em trên địa bàn thành phố Đà Lạt;	7961/KH-UBND	08/12/2021
2	Kế hoạch	về việc thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em trên địa bàn thành phố Đà Lạt năm 2021;	2036/KH-UBND	09/4/2021
3	Kế hoạch	về việc triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2021 trên địa bàn thành phố Đà Lạt.	3369/KH-UBND	3/6/2021
4	Kế hoạch	về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn thành phố Đà Lạt;	7961/KH-UBND	08/12/2021
5	Kế hoạch	về việc thực hiện công tác trẻ em năm 2022 trên địa bàn thành phố Đà Lạt;	2724/KH-UBND	06/5/2022
6	Kế hoạch	về việc tổ chức cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng thành phố Đà Lạt năm 2022.	7213/KH-UBND	01/11/2022
7	Kế hoạch	về việc triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2022 trên địa bàn thành phố Đà Lạt.	2743/KH-UBND	9/5/2022
8	Kế hoạch	về việc thực hiện công tác trẻ em năm 2022 trên địa bàn thành phố Đà Lạt;	1629/KH-UBND	20/3/2023
9	Kế hoạch	về việc thực hiện công tác trẻ em năm 2023 trên địa bàn thành phố Đà Lạt;	1629/KH-UBND	20/3/2023
10	Kế hoạch	về việc triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2023 trên địa bàn thành phố Đà Lạt.	2786/KH-UBND	8/5/2023
3	Công văn			
1	Công văn	về việc thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng, chống đuối nước cho trẻ em.	3397/UBND- VX	4/6/2021

2	Công văn	về việc khẩn trương triển khai một số biện pháp cấp bách để chủ động phòng ngừa tai nạn đuối nước cho trẻ em trên địa bàn.	6856/UBND- PCTT	26/10/2021
3	Công văn	về việc hướng dẫn tiêu chuẩn tự đánh giá và công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em.	7030/UBND-VX	24/10/2022
4	Báo cáo			
1	Báo cáo	về việc báo cáo kết quả thi hành Luật Con nuôi và Công ước La Hay trên địa bàn thành phố Đà Lạt;	1843/BC-UBND	02/4/2021
2	Báo cáo	về việc Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 20/CT/TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị.	2898/BC-UBND	28/12/2022
III UBND XÃ XUÂN TRƯỜNG				
1	Kế hoạch			
1	Kế hoạch	về Thực hiện công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em năm 2021 trên địa bàn xã Xuân Trường.	400/KH-UBND	20/4/2021
2	Kế hoạch	về thực hiện công tác trẻ em trên địa bàn xã Xuân Trường.	319/KH-UBND	18/05/2022
3	Kế hoạch	về việc triển khai thực hiện chương trình an toàn phòng chống đuối nước trẻ em năm 2021.	490/KH-UBND	08/6/2021
4	Kế hoạch	về việc triển khai thực hiện chương trình bơi an toàn phòng chống đuối nước trẻ em năm 2022.	571/KH-UBND	11/08/2022
5	Kế hoạch	về triển khai xây dựng Xã phù hợp với trẻ em trên địa bàn xã Xuân Trường.	32/KH-UBND	12/05/2022
6	Kế hoạch	về việc triển khai thực hiện chương trình bơi an toàn phòng chống đuối nước trẻ em năm 2022.	571/KH-UBND	11/08/2022
7	Kế hoạch	về việc tăng cường công tác phòng chống đuối nước trẻ em năm 2023	281/KH-UBND	09/05/2023

8	Kế hoạch	về việc thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em.	272/BC-UBND	28/4/2023
9	Kế hoạch	về tuyên truyền phòng chống đuối nước và tai nạn thương tích ở trẻ em năm 2022 trên địa bàn xã Xuân Trường	397/KH-UBND	12/05/2022
2	Quyết định			
1	Quyết định	về việc thành lập Hội đồng đánh giá Xã phù hợp với trẻ em năm 2022.	891/QĐ-UBND	01/11/2022
3	Báo cáo			
1	Báo cáo	về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống đuối nước cho trẻ em trên địa bàn xã Xuân Trường.	498/BC-UBND	14/06/2021
2	Báo cáo	về việc thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.	508/BC-UBND	30/06/2021
3	Báo cáo	đánh giá tình hình thực hiện quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 2022.	812/BC-UBND	01/11/2022
4	Báo cáo	về tổ chức hoạt động nhân dịp Tết Trung thu trên địa bàn xã Xuân Trường năm 2022.	677/BC-UBND	13/9/2022
5	Báo cáo	về Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 20-CT/TU, ngày 05/07/2011 của Bộ chính trị “ về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới.	25/BC-UBND	21/03/2022

Phụ lục số 02

Danh sách 02 trẻ em đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội đối với trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng nhưng địa phương không thực hiện chi trả chế độ theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

Đoàn Thanh Kiều Trang, sinh ngày 29/01/2015 và Đoàn Thanh Quang Trường, sinh ngày 18/3/2018 (là hai chị em ruột, địa chỉ: xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng), mồ côi mẹ ngày 06/4/2022 và bố đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam từ ngày 10/4/2022 vì hành vi giết mẹ. Từ ngày 10/4/2022 đến ngày 23/8/2022, hai trẻ em được bà nội và bà ngoại thay nhau chăm sóc, nuôi dưỡng, tuy nhiên, do không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng nên ngày 23/8/2022, hai trẻ em được Làng trẻ em SOS Đà Lạt tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Đoàn Thanh Kiều Trang và Đoàn Thanh Quang Trường là hai trẻ em đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội đối với trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng (mồ côi mẹ và bố đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam).

- Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, tổng số tiền 02 trẻ em được hỗ trợ là: $1,5 \times 360.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 5 \text{ tháng} \times 2 \text{ người} = 5.400.000 \text{ đồng}$.

- Bà nội và bà ngoại hai trẻ em (là người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng thay thế), theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, tổng số tiền 02 bà được hỗ trợ là: $1,5 \times 360.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 5 \text{ tháng} \times 2 \text{ người} = 5.400.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền 02 trẻ em và 02 bà (bà nội, bà ngoại của hai trẻ em) chưa được nhà nước hỗ trợ là 10.800.000 đồng.

h

Phụ lục số 03

Danh sách 01 trẻ em không đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội nhưng địa phương đã thực hiện chế độ theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

Trẻ em Lê Trọng Hùng, sinh ngày 20/8/2007, cư trú tại tổ 19, Thác Prenn, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có mẹ là Lê Thị Vinh, có bố là Lê Trọng Đại, bố mẹ ly hôn. Như vậy, Lê Trọng Hùng không phải là trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

Từ tháng 8/2018, Lê Trọng Hùng được Làng trẻ em SOS Đà Lạt tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, (kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng một phần do Tổ chức SOS Quốc tế, Làng trẻ em SOS Việt Nam cấp và một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước của địa phương): từ tháng 8/2018 đến tháng 6/2021, mức trợ cấp là 1.080.000 đồng/tháng x 34 tháng = 36.720.000 đồng; từ tháng 7/2021 đến tháng 5/2023 mức trợ cấp là 1.440.000 đồng/tháng x 23 tháng = 33.120.000 đồng. Tổng kinh phí đã trợ cấp là 69.840.000 đồng.

UBND tỉnh đã trợ cấp hàng tháng cho Lê Trọng Hùng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, cụ thể: từ 8/2018 đến tháng 6/2021 hưởng mức 470.000 đồng/tháng x 34 tháng = 15.980.000 đồng; từ tháng 7/2021 đến tháng 5/2023 hưởng mức 830.000 đồng/tháng x 23 tháng = 19.090.000 đồng. Tổng số tiền Lê Trọng Hùng được nhận trợ cấp từ ngân sách nhà nước là 35.070.000 đồng (UBND tỉnh trợ cấp cho Làng trẻ em SOS Đà Lạt để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em Lê Trọng Hùng qua dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm).

Phụ lục số 04

Danh sách 04 trẻ em đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội đối với trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại Mái ấm Micae - Đà Lạt nhưng địa phương không thực hiện chi trả chế độ

Tại thời điểm thanh tra, Mái ấm Micae - Đà Lạt (địa chỉ: phường 4, thành phố Đà Lạt) đang chăm sóc, nuôi dưỡng 04 trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội đối với trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, tổng số tiền mà cơ sở trợ giúp xã hội không được nhận để chăm sóc, nuôi dưỡng 04 trẻ em là 79.140.000 đồng, cụ thể:

1. Phan Thiên Phúc, sinh ngày 01/01/2016, được tiếp nhận vào Cơ sở Bảo trợ xã hội Linh Ân (địa chỉ tại huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng) từ ngày 23/12/2020 theo Quyết định số 4691/QĐ-UBND của UBND huyện Lâm Hà, được hưởng trợ cấp thường xuyên từ ngày 01/01/2021 theo Quyết định số 5265/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Lâm Hà (hưởng trợ cấp đối với trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). Tuy nhiên, do Phan Thiên Phúc đã chuyển về sinh sống tại Mái ấm Micae - Đà Lạt, nên ngày 30/12/2022, UBND huyện Lâm Hà ban hành Quyết định số 6538/QĐ-UBND thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với Phan Thiên Phúc từ ngày 01/01/2023.

Như vậy, từ 01/01/2023 đến 01/5/2023, Phan Thiên Phúc được Mái ấm Micae - Đà Lạt chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng Mái ấm Micae - Đà Lạt không được địa phương chi trả trợ cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng Phan Thiên Phúc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thấp nhất cho mỗi trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng khi được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội do ngân sách nhà nước chi trả là 1.440.000 đồng/người/tháng, số tiền là: 5 tháng x 1.440.000 đồng/tháng = 5.700.000 đồng.

2. Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 23/6/2015, được tiếp nhận vào Cơ sở Bảo trợ xã hội Linh Ân (địa chỉ tại huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng) từ ngày 23/12/2020 theo Quyết định số 4678/QĐ-UBND của UBND huyện Lâm Hà, được hưởng trợ cấp thường xuyên từ ngày 01/01/2021 theo Quyết định số 5252/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Lâm Hà (hưởng trợ cấp đối với trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). Tuy nhiên, do Nguyễn Gia Bảo đã chuyển về sinh sống tại Mái ấm Micae - Đà Lạt, nên ngày 30/12/2022, UBND huyện Lâm Hà ban hành Quyết định số 6539/QĐ-UBND thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với Nguyễn Gia Bảo từ ngày 01/01/2022.

Như vậy, từ 01/01/2022 đến 01/5/2023, Nguyễn Gia Bảo được Mái ấm Micae - Đà Lạt chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng Mái ấm Micae - Đà Lạt không được địa phương chi trả trợ cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Gia Bảo, theo

quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thấp nhất cho mỗi trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng khi được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội do ngân sách nhà nước chi trả là 1.440.000 đồng/người/tháng, số tiền là: 17 tháng x 1.440.000 đồng/tháng = 24.480.000 đồng.

3. Nguyễn Hoàng Khánh Duy, sinh ngày 06/10/2015, được tiếp nhận vào Cơ sở Bảo trợ xã hội Linh Ân (địa chỉ tại huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng) từ ngày 23/12/2020 theo Quyết định số 4678/QĐ-UBND của UBND huyện Lâm Hà, được hưởng trợ cấp thường xuyên từ ngày 01/01/2021 theo Quyết định số 5259/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Lâm Hà (hưởng trợ cấp đối với trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). Tuy nhiên, do Nguyễn Gia Bảo đã chuyển về sinh sống tại Mái ấm Micae - Đà Lạt, nên ngày 30/12/2022, UBND huyện Lâm Hà ban hành Quyết định số 6541/QĐ-UBND thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với Nguyễn Hoàng Khánh Duy từ ngày 01/01/2022.

Như vậy, từ 01/01/2022 đến 01/5/2023, Nguyễn Hoàng Khánh Duy được Mái ấm Micae - Đà Lạt chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng Mái ấm Micae - Đà Lạt không được địa phương chi trả trợ cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Hoàng Khánh Duy, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thấp nhất cho mỗi trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng khi được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội do ngân sách nhà nước chi trả là 1.440.000 đồng/người/tháng, số tiền là: 17 tháng x 1.440.000 đồng/tháng = 24.480.000 đồng.

4. Kiều Tuấn Anh, sinh ngày 01/01/2015, được tiếp nhận vào Cơ sở Bảo trợ xã hội Linh Ân (địa chỉ tại huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng) từ ngày 23/12/2020 theo Quyết định số 4692/QĐ-UBND của UBND huyện Lâm Hà, được hưởng trợ cấp thường xuyên từ ngày 01/01/2021 theo Quyết định số 5266/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Lâm Hà (hưởng trợ cấp đối với trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). Tuy nhiên, do Nguyễn Gia Bảo đã chuyển về sinh sống tại Mái ấm Micae - Đà Lạt, nên ngày 30/12/2022, UBND huyện Lâm Hà ban hành Quyết định số 6540/QĐ-UBND thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với Kiều Tuấn Anh từ ngày 01/01/2022.

Như vậy, từ 01/01/2022 đến 01/5/2023, Kiều Tuấn Anh được Mái ấm Micae - Đà Lạt chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng Mái ấm Micae - Đà Lạt không được địa phương chi trả trợ cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng Kiều Tuấn Anh, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thấp nhất cho mỗi trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng khi được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội do ngân sách nhà nước chi trả là 1.440.000 đồng/người/tháng, số tiền là: 17 tháng x 1.440.000 đồng/tháng = 24.480.000 đồng./.

Phụ lục số 05

Danh sách 06 trẻ em đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập nhưng không được địa phương thực hiện

Tại thời điểm thanh tra, có 06 trẻ em khuyết tật đang học tại trường Tiểu học Xuân Trường và trường THCS Xuân Trường (gồm: Phạm Quốc Anh, sinh năm 2014, cư trú thôn Xuân Sơn, tại thời điểm thanh tra đang học lớp 3; Võ Trần Minh Quân, sinh năm 2013, cư trú thôn Xuân Trường 1, tại thời điểm thanh tra đang học lớp 4; Phạm Thanh Hoàng Hiệp, sinh năm 2013, cư trú thôn Cầu Đất, tại thời điểm thanh tra đang học lớp 4; Trần Thị Minh Tuyền, sinh năm 2009, cư trú tại thôn Trường An, tại thời điểm thanh tra đang học lớp 8; Phan Nguyễn Ngọc Tiên, sinh 2008, cư trú tại thôn Trường An, tại thời điểm thanh tra đang học lớp 9; Bùi Nguyễn Gia Huy, sinh năm 2011, cư trú tại thôn Xuân Sơn, tại thời điểm thanh tra đang học lớp 6), đủ điều kiện được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 86/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP nhưng không được địa phương thực hiện, tổng số tiền là 19.800.000 đồng, cụ thể:

Năm học 2020 - 2021, thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, mức hỗ trợ là 100.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng x 6 học sinh = 5.400.000 đồng.

Năm học 2021 - 2022, tháng 9, 10/2021 thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, mức hỗ trợ là 100.000 đồng/học sinh/tháng x 2 tháng x 6 học sinh = 400.000 đồng; 7 tháng còn lại thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, mức hỗ trợ 150.000 đồng/học sinh/tháng x 7 tháng x 6 học sinh = 6.300.000 đồng.

Năm học 2022 - 2023, thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, mức hỗ trợ 150.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng x 6 học sinh = 8.100.000 đồng.

h

Phụ lục số 06

Danh sách 03 trẻ em đủ điều kiện được hưởng chính sách miễn học phí nhưng không được địa phương thực hiện

Tại thời điểm thanh tra, có 03 trẻ em khuyết tật đang học tại trường THCS Xuân Trường (gồm: Trần Thị Minh Tuyền, sinh năm 2009, cư trú tại thôn Trường An, tại thời điểm thanh tra đang học lớp 8; Phan Nguyễn Ngọc Tiên, sinh 2008, cư trú tại thôn Trường An, tại thời điểm thanh tra đang học lớp 9; Bùi Nguyễn Gia Huy, sinh năm 2011, cư trú tại thôn Xuân Sơn, tại thời điểm thanh tra đang học lớp 6), đủ điều kiện được hưởng chính sách miễn học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP và khoản 2 Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP nhưng không được địa phương thực hiện, tổng số tiền là 3.362.000 đồng, cụ thể:

Năm học 2020 - 2021, Trường THCS Xuân Trường thực thu là 67.000/học sinh/tháng x 9 tháng học x 2 học sinh (Trần Thị Minh Tuyền, Phan Nguyễn Ngọc Tiên) = 1.206.000 đồng.

Năm học 2021 - 2022, học kỳ 1 Trường THCS Xuân Trường thực thu là 67.000/học sinh/tháng x 4 tháng của học kỳ 1 (học kỳ 2 miễn thu học phí toàn bộ học sinh) x 2 học sinh (Trần Thị Minh Tuyền, Phan Nguyễn Ngọc Tiên) = 536.000 đồng.

Năm học 2022 - 2023, Trường THCS Xuân Trường thực thu là 60.000 đồng/học sinh/tháng x 9 tháng x 3 học sinh = 1.620.000 đồng.

Phụ lục số 07

Danh Sách cơ sở không có quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập/giấy đăng ký hoạt động

TT	Tên cơ sở hoặc cá nhân	Địa chỉ	Nội dung hoạt động liên quan đến trẻ em	Số lượng trẻ em đang được nuôi dưỡng, chăm sóc	Số lượng trẻ em được cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em từ ngày 01/01/2021	Ghi chú
1	Chùa Pháp Thuận	Thôn Đa Ra Hoa, huyện Lạc Dương	Nuôi dưỡng trẻ em	2	2	Cơ sở thuộc tôn giáo
2	Nhà nội trú BéLem	21/8 Trần Phú, thành phố Đà Lạt	Chăm sóc, nuôi dưỡng	30	30	Cơ sở thuộc tôn giáo
3	Dòng Mến thánh Giá	39/3 Hồ Tùng Mậu, thành phố Đà Lạt	Chăm sóc, nuôi dưỡng	21	21	Cơ sở thuộc tôn giáo
4	Giáo sư Minh Giáo	121Ngõo Thị Nhậm, thành phố Đà Lạt	Chăm sóc, nuôi dưỡng	20	20	Cơ sở thuộc tôn giáo
5	Mái Ấm Khiêm thị Suối Mơ	Thôn 5, xã Đại Lào, Bảo Lộc Lâm Đồng	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật	12	12	Cơ sở thuộc tôn giáo



2